

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 18/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 12-5-2021

V/v xin ly hôn.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC - TỈNH BẾN TRE**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lăng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vi Quốc Thanh

2. Ông Hồ Văn Thái

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Thạch Thiện – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 265/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2021/QĐST-HNGĐ ngày 23/4/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1988 (Xin vắng mặt)

Đăng ký thường trú: ấp TT 5, xã TT, huyện MCB, tỉnh Bến Tre.

Nơi cư trú: ấp BT A, xã HT, huyện MT, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:* Nguyễn Văn L, sinh năm 1984 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp TT 5, xã TT, huyện MCB, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích T trình bày: chị và anh Nguyễn Văn L do quen biết, tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Tân năm 2011. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc nhưng cách nay khoảng

03 năm thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cự cãi do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh L không quan tâm vợ con, không phụ tiền để chị nuôi con và anh còn có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Vào tháng 11/2019, do không thể sống với nhau, chị đã đưa 02 con chung là cháu Nguyễn Trọng K và Nguyễn Thuận P1 về nhà mẹ ruột ở tỉnh Vĩnh Long sinh sống. Từ thời gian đó đến nay, anh L cũng không đến thăm, không gọi điện hỏi thăm các con, không phụ tiền để chị nuôi con. Nay không còn tình cảm và không thể tiếp tục hôn nhân nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Về nuôi con chung: chị và anh L có 03 con chung là cháu Nguyễn Trọng K, sinh ngày 12/10/2011, Nguyễn Trọng P, sinh ngày 10/11/2014 và Nguyễn Thuận P1, sinh ngày 18/11/2017. Theo đơn khởi kiện ban đầu, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung, yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi mỗi con 1.500.000 đồng cho đến khi các con đủ 18 tuổi nhưng trong quá trình giải quyết vụ án chị T thay đổi yêu cầu khởi kiện, khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung là Nguyễn Trọng K và Nguyễn Thuận P1, chị đồng ý để anh L nuôi cháu Nguyễn Trọng P. Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con thì chị yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi cháu K và cháu P1 mỗi cháu mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi, chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu P mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi

Về tài sản chung và nợ chung: chị T xác định chị và anh L không có tài sản chung, không có nợ chung và cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ trong suốt quá trình giải quyết vụ án nhưng vẫn vắng mặt không lý do và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình. Tuy nhiên qua xác minh, chị Nguyễn Thị Kim Tuyền là chị dâu sống cùng nhà với chị T cho biết, thời gian đầu anh L và chị T chung sống hạnh phúc, cách nay khoảng 03 năm thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cự cãi, nguyên nhân do anh L bỏ bê vợ con, không phụ tiền chị T nuôi con, nhiều lần gây nợ riêng chị T đều phải đứng ra trả nhưng anh L vẫn không thay đổi. Chị T đã về nhà mẹ ruột sống từ tháng 11/2019 đến nay. Từ khi chị T về nhà mẹ, anh L không đến thăm cũng không phụ tiền nuôi con. Anh L và chị T có 03 con chung là Nguyễn Trọng K, sinh ngày 12/10/2011, Nguyễn Trọng P, sinh ngày 10/11/2014 và Nguyễn Thuận P1, sinh ngày 18/11/2017. Hiện chị T đang nuôi cháu K và cháu P1, cháu P do anh L nuôi. Nay thấy chị T và anh L khó có thể hàn gắn mong Tòa án xem xét cho chị T ly hôn với anh L; chị T đang làm công nhân tại công ty may ở khu công nghiệp Hòa Phú, tỉnh Vĩnh Long có thu nhập ổn định và có cha mẹ ruột hỗ trợ chăm sóc con nên có đủ khả năng nuôi cháu K và cháu

P1; cháu P hiện do anh L đang trực tiếp nuôi dưỡng nên đề nghị cho anh L tiếp tục nuôi cháu P.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành các nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án, thấy rằng mâu thuẫn giữa chị T và anh L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, cho chị T và anh L ly hôn nhau. Về nuôi con chung, chị T và anh L có 03 con chung là cháu Nguyễn Trọng K, sinh ngày 12/10/2011, Nguyễn Trọng P, sinh ngày 10/11/2014 và Nguyễn Thuận P1, sinh ngày 18/11/2017. Cháu K và cháu Phát hiện do chị T nuôi dưỡng, còn anh L đang nuôi cháu P để đảm bảo sự phát triển bình thường của các cháu về mặt tinh thần và thể chất, đề nghị Tòa án cho anh L được trực tiếp nuôi cháu P, ghi nhận chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu P mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi; chị T được trực tiếp nuôi cháu K và cháu P1 và buộc anh L cấp dưỡng nuôi cháu K và cháu P1 mỗi cháu mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị T xác định giữa chị và anh L không có tài sản chung, không có nợ chung và cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không giải quyết các vấn đề này trong cùng vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc “ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

Xét thấy bị đơn anh Nguyễn Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Bích T đối với anh Nguyễn Văn L, thấy rằng:

Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị Bích T và anh Nguyễn Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, không vi phạm các điều kiện kết hôn nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị T nhìn nhận mâu thuẫn vợ chồng do anh chị bất đồng

quan điểm sống, anh L bỏ bê, không quan tâm vợ con, không phụ tiền để chị nuôi con và anh L có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi và cũng không còn tình cảm nên anh chị sống ly thân từ tháng 11/2019 đến nay. Tòa án đã ra các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự được biết để tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn mâu thuẫn nhưng anh L vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử thấy rằng anh chị không có mục đích cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, đã để mâu thuẫn giữa vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, cho chị T và anh L ly hôn.

Về nuôi con chung: chị T và anh L có 03 con chung là cháu Nguyễn Trọng K, sinh ngày 12/10/2011, Nguyễn Trọng P, sinh ngày 10/11/2014 và Nguyễn Thuận P1, sinh ngày 18/11/2017. Cháu K và cháu P1 hiện do chị T nuôi dưỡng, anh L đang nuôi cháu P nên để đảm bảo sự phát triển bình thường của các cháu về mặt tinh thần và thể chất, nên tiếp tục giao cháu P cho anh L, giao cháu K và cháu P1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu P mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi. Anh L không trực tiếp nuôi cháu K và cháu P1 nên có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình. Trên cơ sở cân nhắc mức sống tại địa phương, quy định của pháp luật, cần buộc anh L phải cấp dưỡng nuôi hai cháu K và P1 mỗi cháu mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi các cháu đủ 18 tuổi theo yêu cầu của chị T.

Về tài sản chung và về nợ chung: Chị T khai giữa chị và anh L không có tài sản chung, không có nợ chung và cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh L không có ý kiến về các vấn đề này nên Tòa án không xem xét giải quyết trong cùng vụ án.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được chấp nhận toàn bộ.

[4] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng chị Nguyễn Thị Bích T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Án phí cấp dưỡng: anh Phan Minh Hậu và chị Nguyễn Thị Bích T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên anh chị mỗi người phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

[1] Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích T. Chị Nguyễn Thị Bích T được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

[2] Về nuôi con chung: chị Nguyễn Thị Bích T được trực tiếp nuôi 02 con chung tên Nguyễn Trọng K, sinh ngày 12/10/2014 và Nguyễn Thuận P1, sinh ngày 18/11/2017; anh Nguyễn Văn L được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Trọng P, sinh ngày 10/11/2014. Chị Nguyễn Thị Bích T phải cấp dưỡng nuôi cháu P mỗi tháng 1.000.000 đồng, anh Nguyễn Văn L phải cấp dưỡng nuôi cháu K và cháu P1 mỗi cháu mỗi tháng 1.000.000 đồng, thời hạn cấp dưỡng tính từ tháng 5/2021 cho đến khi các cháu K, P, P1 đủ 18 tuổi, phương thức cấp dưỡng mỗi tháng 01 lần.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định của Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, các bên, cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung và về nợ chung: chị T khai chị và anh L không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh L không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết trong cùng vụ án.

[4] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng chị Nguyễn Thị Bích T phải chịu nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0003618 ngày 28/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre

Án phí cấp dưỡng: chị Nguyễn Thị Bích T và anh Nguyễn Văn L mỗi người phải nộp 300.000 đồng.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày tòa án tổng đạt bản án hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (1b);
- Chi Cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc (1b);
- Các đương sự (2b);
- UBND xã Thanh Tân (Số 26; Ngày 17/3/2011), (1b);
- Lưu HS, VP (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Lăng